

UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG

THUYẾT MINH TÓM TẮT QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2040, TỶ LỆ 1/25.000



Sơn Động, tháng 05/2023

MỤC LỤC

1. Lý do và sự cần thiết	1
2. Cơ sở lập quy hoạch	1
3. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch	2
4. Tổng hợp SWOT:	2
4.1. Về các thế mạnh:	2
4.2. Những điểm yếu kìm hãm sự phát triển:	2
4.3. Cơ hội:	3
4.4. Thách thức:	3
5. Tính chất	3
6. Chiến lược phát triển	3
6.1. Tầm nhìn phát triển:	3
6.2. Chiến lược huyện:	3
6.3. Chiến lược huyện:	4
7. Dự báo phát triển	4
8. Định hướng phát triển không gian vùng huyện	5
8.1. Phương án phát triển không gian tổng thể	5
8.2. Định hướng phân vùng chức năng và tổ chức không gian vùng	6
9. Định hướng phát triển đô thị và nông thôn:	7
9.1. Định hướng phát triển đô thị	7
9.2. Định hướng phát triển nông thôn	8
10. Phân bố không gian phát triển các ngành kinh tế	9
10.1. Không gian phát triển nông nghiệp	9
10.2. Không gian phát triển lâm nghiệp	10
10.3. Không gian phát triển công nghiệp	10
10.4. Không gian phát triển thương mại dịch vụ	10
11. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội	12
11.1. Định hướng phát triển hệ thống trụ sở làm việc, cơ quan hành chính	12
11.2. Định hướng phát triển thương mại dịch vụ	12
11.3. Định hướng phát triển hệ thống y tế	12
11.4. Định hướng phát triển hệ thống văn hóa, thể dục thể thao	12
11.5. Định hướng phát triển di tích tôn giáo, văn hóa lịch sử:	13
12. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật	13
12.1. Định hướng quy hoạch giao thông:	13

12.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật:	18
12.3. Định hướng cấp nước:	20
12.4. Định hướng cung cấp năng lượng:	21
12.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:	22
13. Các biện pháp bảo vệ môi trường	23

1. Lý do và sự cần thiết

Huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang là huyện nằm về phía Đông của tỉnh Bắc Giang, giáp với các tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh. Là cửa ngõ phía Đông của tỉnh Bắc Giang, huyện đang có những định hướng phát triển mạnh theo hướng tăng cường kết nối giao thông vận tải hàng hoá với các tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, phát triển kinh tế với các lợi thế, thế mạnh của huyện về nông lâm nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch tâm linh sinh thái;

Hiện nay quy hoạch Tỉnh Bắc Giang đã được phê duyệt theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Nhiều định hướng phát triển về kinh tế, xã hội, đô thị của huyện Sơn Động đã được thiết lập trong quy hoạch tỉnh.

Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại huyện Sơn Động chưa tổ chức lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định của Luật Quy hoạch 21/2017/QH14. Các đồ án như Quy hoạch chung thị trấn An Châu, Tây Yên Tử và một số đồ án Quy hoạch xã có định hướng phát triển thành đô thị tương lai rất cần dựa trên các căn cứ của đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện để thiết lập, khớp nối, làm căn cứ để triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết 1/500, thực hiện các dự án phát triển đô thị.

Như vậy, để hiện thực hóa các chủ trương, đường lối chiến lược phát triển của tỉnh Bắc Giang và huyện Sơn Động, sớm triển khai tổ chức lập các quy hoạch và phát triển đô thị nhằm phát triển không gian một cách hài hòa, thiết lập một khuôn khổ, nền tảng và điểm tham chiếu cho chính sách và ra quyết định nhằm nâng cao tính khả thi, phù hợp với xu hướng quy hoạch và phát triển đô thị thời kỳ mới. Tạo động lực phát triển kinh tế vùng huyện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, **việc lập Quy hoạch vùng huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040** là rất cần thiết.

2. Cơ sở lập quy hoạch

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ;

Luật 35/2018/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Nghị định số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000

Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

3. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Sơn Động gồm 2 thị trấn và 15 xã trừ một phần diện tích thuộc xã Phúc Sơn (thuộc Trường bản QGTB1). Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng: 78.462 ha. Ranh giới cụ thể:

- Phía Bắc: Giáp Trường bản QGTB1 và huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Nam: Giáp TP. Uông Bí và TX. Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
- Phía Đông: Giáp thành phố Hạ Long và huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh; huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Tây: Giáp huyện Lục Ngạn và huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

Dân số hiện trạng năm 2021 là: 78.682 người. Mật độ dân số bình quân: 100 người/km². Quy mô dân số dự báo đến 2040: khoảng **97.500 người**.

4. Tổng hợp SWOT:

4.1. Về các thế mạnh:

- Là địa phương có điều kiện tự nhiên phù hợp phát triển đa dạng các loại cây trồng vật nuôi
- Có các tuyến giao quan trọng kết nối liên huyện như: QL31, đường tỉnh 291, 293... kết nối trong ra các huyện và tỉnh lân cận đặc biệt là kết nối trực tiếp với TP. Hạ Long.
- Tiềm năng đất đai to lớn giúp phát triển nông nghiệp, công nghiệp và du lịch của tỉnh với hệ thống hạ tầng đã và đang được đầu tư xây dựng mạnh mẽ.
- Là cửa ngõ của tỉnh Bắc Giang với tỉnh Lạng Sơn và Quảng Ninh.
- Cảnh quan sinh thái đa dạng, khí hậu ôn hòa, nhiều tiềm năng khai thác du lịch

4.2. Những điểm yếu kìm hãm sự phát triển:

- Địa hình vùng trung du miền núi bị chia cắt, đầu tư cơ sở hạ tầng khó khăn.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, giá trị kinh tế từ sản xuất, nông lâm nghiệp chưa cao
- Tỷ lệ đô thị hóa thấp.
- Hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật còn thiếu, chất lượng chưa cao.
- Hệ thống hạ tầng khung giao thông yếu, ảnh hưởng tới khả năng kết nối giữa các khu vực trong và ngoài huyện
- Thu hút đầu tư trong huyện còn rất hạn chế.

4.3. Cơ hội:

- Thách thức giữa yêu cầu phát triển nhanh kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững
- Cơ hội giao lưu kinh tế với các địa phương trong và ngoài tỉnh theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.
- Hệ thống giao thông tương đối thuận lợi: có nhiều điều kiện giao thương trực tiếp với thành phố Hạ Long và một số huyện khác của tỉnh Quảng Ninh và Lạng Sơn, là tiền đề chuyển đổi cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại dịch vụ.
- Có điều kiện để phát triển các cơ sở sản xuất phục vụ trực tiếp quá trình phát triển khu vực đô thị, sản phẩm nông nghiệp có sản lượng và chất lượng cao được thị trường ưa chuộng.
- Quỹ đất nông, lâm nghiệp lớn, có cơ hội hình thành các vùng trang trại, nông trại đặc biệt là khu vực giáp Quảng Ninh.

4.4. Thách thức:

- Thách thức giữa yêu cầu phát triển nhanh kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững
- Thách thức về hình thành các điểm sản xuất công nghiệp và kinh tế tập trung
- Khó tiếp cận với các đô thị trung tâm lớn thuộc tỉnh Bắc Giang
- Các nguồn lực phát triển bị hút về các trung tâm đô thị lớn dẫn đến thiếu hụt nguồn nhân lực.

5. Tính chất

- Là cửa ngõ phía Đông của tỉnh Bắc Giang, phát triển kinh tế dựa trên các thế mạnh về nông, lâm nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch, tâm linh sinh thái;
- Là vị trí trung gian quan trọng kết nối giữa trung tâm phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Giang với tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Lạng Sơn;
- Là vùng bảo tồn không gian sinh thái rừng, duy trì đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên của Tỉnh và Quốc gia.

6. Chiến lược phát triển**6.1. Tâm nhìn phát triển:**

Phát triển huyện Sơn Động theo hướng bền vững, trọng tâm bảo vệ và phát triển kinh tế rừng, Sơn Động trở thành lá phổi xanh của tỉnh và vùng; phát triển kinh tế nông nghiệp gắn liền với xây dựng nông thôn mới. Phát triển các loại hình dịch vụ, trọng tâm là dịch vụ du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh trở thành động lực, ngành kinh tế quan trọng; quan tâm phát triển công nghiệp. Tiếp tục phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, xã hội; đẩy mạnh chương trình giảm nghèo bền vững

6.2. Chiến lược huyện:

Đẩy mạnh phát triển 3 cụm đô thị lớn An Châu – Tây Yên Tử - Long Sơn để hình thành tam giác đô thị.

Hình thành các vùng kinh tế đặc trưng dựa trên 3 trụ cột chính là nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch, phát triển các khu vực sản xuất chế biến tập

Phát triển du lịch sinh thái và du lịch tâm linh dựa trên khai thác các giá trị văn hoá lịch sử và điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên sẵn có trong đó phát huy tối đa vai trò khu vực Tây Yên Tử.

Phát triển hạ tầng đô thị và nông thôn hướng tới xây dựng các điểm trung tâm đô thị và trung tâm cụm xã làm cơ sở cho việc hình thành các trung tâm tiểu vùng trong tương lai

6.3. Chiến lược huyện:

Phát triển các kết nối về kinh tế gồm:

- + Kết nối về sản phẩm nông sản đặc sản với Lục Ngạn.
- + Kết nối về lâm sản, suất nhập khẩu với Đình Lập.
- + Kết nối về du lịch, nông nghiệp sinh thái với Quảng Ninh.

Phát triển mạnh các kết nối với Quảng Ninh nhằm khai thác lợi thế về vị trí cũng như tài nguyên thiên nhiên.

7. Dự báo phát triển

a. Quy mô dân số dự báo:

Tỷ lệ tăng dân số trung bình giai đoạn 2021-2030 là 1,12% (tăng tự nhiên 0,82%, tăng cơ học 0,3%), trên cơ sở các cơ sở hạ tầng kinh tế và hạ tầng kỹ thuật có được trong giai đoạn đầu, Sơn Động sẽ có sự phát triển ổn định trong sau đến năm 2040, tỷ lệ tăng dân số trung bình đến 2040 là 1,15% (tăng tự nhiên 0,85%, tăng cơ học 0,3%).

- Hiện trạng (năm 2021): 78.682 người;

- Dân số dự báo:

+ Đến năm 2030 khoảng 87.000 người, tỷ lệ đô thị hoá 30% (dân số đô thị khoảng 26.100 người, dân số nông thôn khoảng 60.900 người)

+ Đến năm 2040 khoảng 97.500 người, tỷ lệ đô thị hoá 35% (dân số đô thị khoảng 34.125 người, dân số nông thôn khoảng 63.375 người)

STT	Đơn vị hành chính	Dân số				
		Hiện trạng	Đến năm 2030		Đến năm 2040	
		2021	Tốc độ tăng (%/năm)*	Dân số	Tốc độ tăng (%/năm)	Dân số
	TỔNG SỐ	77.682	1,12	87.000	1,15	97.500
1	TT. An Châu	9.562	1,56	11.162	2,5	13.940
2	TT Tây Yên Tử	7.065	1,94	8.565	3,0	11.175
3	Long Sơn	5.125	0	5.125	2,0	6.125
4	Phúc Sơn	1.929	1,46	2.229	0,5	2.331
5	Vĩnh An	8.145	2,1	10.021	1,1	11.058
6	Tuần Đạo	5.314	0,66	5.674	0,4	5.882
7	Đại Sơn	5.450	0,6	5.784	0,8	6.214
8	Giáo Liêm	2.764	0,36	2.864	0,2	2.916
9	Cẩm Đàn	3.521	0,24	3.607	1,3	4.052
10	Yên Định	4.290	0,31	4.426	0,8	4.755
11	An Bá	3.715	0,44	3.881	0,3	3.987
12	Lệ Viễn	3.395	0,29	3.495	0,2	3.558
13	Vân Sơn	3.112	2,48	3.976	1,9	4.710
14	An Lạc	3.077	0	3.077	0,5	3.218

STT	Đơn vị hành chính	Dân số				
		Hiện trạng	Đến năm 2030		Đến năm 2040	
		2021	Tốc độ tăng (%/năm)*	Dân số	Tốc độ tăng (%/năm)	Dân số
15	Hữu sản	2.242	1,04	2.486	0,5	2.600
16	Dương Hưu	5.518	1,19	6.212	0,8	6.674
17	Thanh Luận	3.064	2,17	3.798	1,5	4.343

* Ghi chú: Dự báo dân số đến năm 2030 theo Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt

c. Quy mô đất đai xây dựng đô thị:

- Đến năm 2030: Đất xây dựng toàn huyện khoảng 486 ha, trong đó: Đất xây dựng đô thị khoảng 261 ha; Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn khoảng 225 ha.

- Đến năm 2040: Đất xây dựng toàn huyện khoảng 576 ha, trong đó: Đất xây dựng đô thị khoảng 341 ha; Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn khoảng 576 ha.

d. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Đối với khu vực đô thị, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật áp dụng theo cấp đô thị loại V; đối với khu vực ngoại thị và nông thôn áp dụng chỉ tiêu cho khu vực nông thôn theo QCVN 01:2021/BXD.

8. Định hướng phát triển không gian vùng huyện

8.1. Phương án phát triển không gian tổng thể

Mô hình phát triển không gian vùng huyện theo mô hình đa cực đa trung tâm, trong đó:

- Phát triển đa cực với 3 trung tâm đô thị hạt nhân có các tính chất chức năng bao gồm Thị trấn An Châu (trung tâm đô thị hành chính huyện lỵ), Thị trấn Tây Yên Tử (trung tâm đô thị du lịch), đô thị Long Sơn (trung tâm đô thị dịch vụ - công nghiệp).

- Phát triển các cụm trung tâm xã là các cụm trung tâm hỗ trợ chức năng cho đô thị trung tâm và là trung tâm của mỗi tiểu vùng phát triển

- 02 trục phát triển không gian vùng

+ Trục không gian kinh tế Bắc- Nam kết nối với tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Quảng Ninh thông qua QL279

+ Trục không gian kinh tế Đông – Nam kết nối với các huyện trong thuộc tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn qua QL293 và QL31

- 05 phân vùng phát triển gồm: Vùng đô thị trung tâm hành chính thương mại dịch vụ huyện lỵ; Vùng phát triển du lịch sinh thái rừng bảo tồn, nông nghiệp và trồng rừng tập trung; Vùng phát triển dịch vụ - công nghiệp chế biến gỗ và khai thác lâm nghiệp tập trung; Vùng phát triển du lịch tâm linh, nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan sinh thái rừng; Vùng phát triển dịch vụ - nông nghiệp chế biến sản xuất nông sản tập trung, đầu môi trung chuyển hàng hoá.

8.2. Định hướng phân vùng chức năng và tổ chức không gian vùng**Sơ đồ phân vùng phát triển không gian tổng thể vùng**

- **Vùng 1:** Vùng đô thị trung tâm hành chính thương mại dịch vụ huyện lỵ. Gồm thị trấn An Châu và 2 xã Vĩnh An, An Bá. (Thị trấn An Châu là trung tâm tiểu vùng)

Tính chất, chức năng: Là trung tâm tập trung các cơ quan đầu não của huyện, các trung tâm giáo dục, y tế, văn hóa thể thao, các trung tâm dịch vụ tổng hợp, các công trình công cộng có quy mô lớn có ý nghĩa toàn vùng.

- **Vùng 2:** Vùng phát triển du lịch sinh thái rừng bảo tồn, nông nghiệp và trồng rừng tập trung. Gồm 4 xã Lê Viễn, An Lạc, Vân Sơn, Hữu Sản (Trung tâm xã Vân Sơn là trung tâm tiểu vùng)

Tính chất, chức năng: Là khu cửa ngõ phía Bắc nằm trên trục đường QL 31 tập trung phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, phát triển khai thác trồng và chế biến lâm sản., sản xuất lương thực, rau màu chăn nuôi gia súc gia cầm.

- **Vùng 3:** Vùng phát triển dịch vụ công nghiệp chế biến gỗ và khai thác lâm nghiệp tập trung. Gồm 3 xã Long Sơn, xã Dương Hưu (Đô thị mới Long Sơn là trung tâm tiểu vùng, hạt nhân đô thị mới)

Tính chất, chức năng: Là khu vực công nghiệp và khu vực đô thị hoá mới trong tương lai. Là cửa ngõ phía Nam của huyện có mối quan hệ mật thiết với thành phố Hạ

Long, phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, nông nghiệp chăn nuôi, dân cư đô thị mới.

- **Vùng 4:** Vùng phát triển du lịch tâm linh, nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan sinh thái rừng. Gồm thị trấn Tây Yên Tử và 2 xã Tuấn Đạo (Đô thị mới Long Sơn là trung tâm tiểu vùng, hạt nhân đô thị mới)

Tính chất, chức năng: Là khu vực phát triển du lịch lấy thị trấn Tây Yên Tử là hạt nhân du lịch chính với nhiều điểm du lịch gắn với vùng bảo tồn cảnh quan dãy núi Tây Yên Tử, phát triển nông nghiệp công nghệ cao cây trồng dược liệu và vật nuôi tạo sản phẩm du lịch hình thành chuỗi liên kết ngành, chế biến lâm nghiệp

- **Vùng 5:** Vùng phát triển dịch vụ - nông nghiệp chế biến sản xuất nông sản tập trung, đầu mối trung chuyển hàng hoá. Gồm 5 xã Yên Định, Cẩm Đàn, Giáo Liêm, Đại Sơn, Phúc Sơn (Trung tâm xã Đại Sơn là trung tâm tiểu vùng)

Tính chất, chức năng: Là vùng cửa ngõ phía Nam kết nối với các đô thị lớn của tỉnh Bắc Giang qua QL31. Là khu vực phát triển dịch vụ - nông nghiệp khai thác thế mạnh đất đai cây trồng, sản xuất chế biến phân phối các sản phẩm nông sản liên kết chặt chẽ với huyện Lục Ngạn, phát triển nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi gắn với du lịch, khai thác chế biến lâm nghiệp, đầu mối giao thương hàng hoá.

9. Định hướng phát triển đô thị và nông thôn:

9.1. Định hướng phát triển đô thị

Tiếp tục phát triển hệ thống hạ tầng, nâng cao chất lượng đô thị loại V là thị trấn An Châu và thị trấn Tây Yên Tử. Tập trung các nguồn lực phát triển hạ tầng, thu hút đầu tư, lao động vào các đô thị của huyện;

a. Đô thị An Châu

** Tính chất:*

Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế-văn hóa, dịch vụ, thương mại và giáo dục của huyện Sơn Động.

Là đô thị thương mại-dịch vụ văn minh, năng động có vai trò là trung tâm kinh tế của tiểu vùng phía Đông tỉnh Bắc Giang và khu vực phụ cận.

Thị trấn An Châu hiện hữu là đô thị loại V.

** Tổ chức không gian phát triển đô thị:*

- Nâng cấp, cải tạo, hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị, với tiêu chí của đô thị loại V.

- Giữ nguyên vị trí khu trung tâm đô thị hiện hữu bao gồm trung tâm hành chính-chính trị cấp huyện, các khu hỗn hợp, thương mại dịch vụ, văn phòng, giáo dục, y tế, văn hóa TDTT, công viên cây xanh;

- Phát triển dân cư mới về phía Bắc thị trấn kết hợp khu liên cơ quan và khu trung tâm thể dục thể thao mới của thị trấn; phát triển khu dân cư phía Đông thị trấn kết hợp với công viên cây xanh và hồ điều hòa;

- Phía Nam thị trấn phát triển các trung tâm công cộng kết hợp với khu ở mới; Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, dân cư phát triển mới phía Bắc và phía

Nam thị trấn gắn với khu sinh thái nông nghiệp và hoạt động sản xuất nông-lâm nghiệp;
Xây dựng khu du lịch sinh thái thôn Mỏ.

b. Đô thị Tây Yên Tử

* *Tính chất*: Là đô thị du lịch dịch vụ - thương mại của huyện Sơn Động gắn với khu di tích và danh thắng Tây Yên Tử. Thị trấn Tây Yên Tử hiện hữu là đô thị loại V.

* *Tổ chức không gian phát triển đô thị*:

- Nâng cấp, cải tạo, hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị, với tiêu chí của đô thị loại V.

- Tập trung phát triển các không gian kinh tế phục vụ du lịch, chú trọng khai thác thế mạnh du lịch của vùng Tây Yên Tử gắn với vùng bảo tồn thiên nhiên và các cụm điểm di tích trên địa bàn. Hình thành các điểm thương mại dịch vụ hỗ trợ du lịch.

- Phát triển theo định hướng quy hoạch công nghiệp đa ngành tập trung vào chế biến lâm sản cụm công nghiệp Thanh Sơn

c. Đô thị Long Sơn

* *Tính chất*: Là trung tâm kinh tế công nghiệp chế biến. Trung tâm kinh tế xã hội, thương mại dịch vụ cửa ngõ phía Đông huyện.

* *Tổ chức không gian phát triển đô thị*:

- Nâng cấp, cải tạo, hệ thống hạ tầng cấp xã để tiến tới giai đoạn sau 2030 công nhận là đô thị loại V

- Tập trung phát triển công nghiệp khai thác chế biến gỗ, tương lai hình thành các khu vực sản xuất công nghiệp tập trung.

- Duy trì phát huy các tiềm năng về nông nghiệp chăn nuôi (Khu chăn nuôi Hòa Phát) và du lịch (Hồ Khe Chão) hiện có.

- Bố trí các quỹ đất tập trung tại khu vực xung quanh trung tâm xã dự trữ cho phát triển dân cư đô thị mới giai đoạn 2031-2040.

9.2. Định hướng phát triển nông thôn

Phát triển các điểm dân cư tập trung mới gắn với các động lực phát triển kinh tế như giao thông, công nghiệp, dịch vụ, công cộng.

Quy hoạch phân bố mạng lưới dân cư nông thôn theo hướng dịch cư dần về các điểm trung tâm xã hiện hữu, trong tương lai tích tụ dần về các điểm trung tâm xã, trung tâm tiểu vùng phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Đề xuất hình thành các trung tâm cụm xã là cơ sở hình thành trung tâm tiểu vùng gắn kết với tính chất vùng, bao gồm

- Trung tâm cụm xã Vân Sơn – An Lạc – Lệ Viễn – Hữu Sản (trung tâm tiểu vùng tại Vân Sơn)

- Trung tâm cụm xã Cẩm Đàn – Đại Sơn – Phúc Sơn (trung tâm tiểu vùng đặt tại Cẩm Đàn)

- Trung tâm cụm xã Yên Định – Tuấn Đạo

Tại khu vực trung tâm xã hoặc khu vực thuận lợi về giao thông, quy hoạch các điểm trung tâm phục vụ cho các cụm dân cư ngoại thị. Tại đây, bố trí một số khu chức năng phi nông nghiệp, bổ sung các cụm công trình dịch vụ kết hợp một vài tuyến phố thương mại. Các khu vực này có thể là địa điểm giới thiệu các sản phẩm của làng nghề, nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của địa phương, tạo điều kiện quảng bá sản phẩm, tăng hiệu quả phát triển kinh tế. Bổ sung không gian cây xanh công cộng và một số công trình phúc lợi công cộng thiết yếu nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân

10. Phân bố không gian phát triển các ngành kinh tế

Phân bố không gian phát triển các ngành kinh tế

10.1. Không gian phát triển nông nghiệp

Xây dựng và phát triển nhanh các vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp tập trung với các loại cây trồng và vật nuôi đặc thù. Các vùng quy hoạch trên cơ sở duy trì các vùng nông nghiệp có năng suất cao, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, tái cơ cấu diện tích nông nghiệp xen kẹt, các vùng trồng năng suất kém. Cụ thể:

a. *Trồng lúa:* Hình thành 4 vùng sản xuất lúa tập trung bao gồm khu lúa Tây Nam (Yên Định, Tuấn Đạo gần sông Lục Nam), khu lúa Tây (xã Cẩm Đàn, Đại Sơn), khu lúa trung tâm (An Lập, Lê Viễn, An Bái An Châu), khu lúa Đông Nam (Long Sơn, Dương Hưu).

b. *Trồng rau màu:* Quy hoạch 3 vùng sản xuất rau tập trung, ở các xã An Bái, Vĩnh An, Thị trấn An Châu.

c. *Trồng cây ăn quả:* Quy hoạch 2 vùng trồng cây ăn quả tập trung: Khu cây ăn quả phía Tây (Đại Sơn, Phúc Sơn, Giáo Liêm), Vùng trung tâm (Cẩm Đàn, Yên Định, Tuấn Đạo) với sản phẩm chủ yếu của địa phương là vải thiều, cam, vải, bưởi áp dụng công nghệ GAP, VietGAP, Global GAP nâng cao chất lượng nông sản đạt chuẩn sản phẩm OCOP và xuất khẩu.

d. *Trồng cây dược liệu:* Quy hoạch 4 vùng trồng cây dược liệu tập trung quy mô từ 50-100 trong khu vực rừng sản xuất của các tiểu vùng đề xuất, đặc biệt chú trọng phát triển trọng điểm vùng trồng dược liệu Thanh Luận – Tây Yên Tử gắn kết với du lịch nghỉ dưỡng, du lịch trị liệu.

e. *Chăn nuôi:*

Hình thành các vùng chăn nuôi tập trung trên cơ sở định hướng của quy hoạch tỉnh đa dạng các loại vật nuôi, đề xuất tương lai hình thành mô hình sản xuất chế biến tập trung gắn kết các vùng chăn nuôi nâng cao giá trị đầu ra mang lại nguồn lực kinh tế cho địa phương, cụ thể:

- Vùng chăn nuôi đại gia súc: Đại Sơn – Phúc Sơn, Vân Sơn – Hữu Sản, Long Sơn – Dương Hưu. Khai thác tiềm năng vùng cao nguyên đồi núi thích hợp nuôi các loại gia súc, gia cầm như dê, gà đồi, ...

- Vùng chăn nuôi gà: An Bái- TT An Châu, Cẩm Đàn- Giáo Liêm- Phúc Sơn- Đại Sơn, Yên Định- Tuấn Đạo

- Vùng chăn nuôi lợn: Long Sơn – Dương Hưu – Tuấn Đạo. Tiếp tục xây dựng trên cơ sở đầu tư trang trại chăn nuôi tập trung, tổng quy mô khoảng 400ha tại Long Sơn của tập đoàn Hoà Phát.

- Vùng chăn nuôi dê: Đại Sơn- Phúc Sơn, An Bái – Vĩnh An, Vân Sơn- Hữu Sản.

- Vùng chăn nuôi ong: Vân Sơn – Hữu Sản -An Lạc- Lê Viễn, Vĩnh An- An Châu-

An Bá- Yên Định, Tuấn Đạo- Tây Yên Tử- Thanh Luận- Long Sơn- Dương Huru.

Hình thành khu vực nông nghiệp công nghệ cao quy mô khoảng 250ha theo mô hình trang trại chăn nuôi gần đường tỉnh 291.1 kéo dài thúc thu hút đầu tư từ các tỉnh lân cận đặc biệt là từ thành phố Hạ Long

10.2. Không gian phát triển lâm nghiệp

a. Quy hoạch vùng rừng sản xuất

Huyện Sơn Động 04 vùng gồm 17 xã (Vùng 1, gồm 07 xã, thị trấn: An Bá, An Châu, An Lạc, Vĩnh An, Hữu Sản, Lê Viễn, Vân Sơn; Vùng 2, gồm 05 xã: Cẩm Đàn, Giáo Liêm, Phúc Sơn, Đại Sơn, Yên Định; Vùng 3, gồm 02 xã: Long Sơn, Dương Huru; Vùng 4, gồm 03 xã, thị trấn: Thanh Luận, Tuấn Đạo, Tây Yên Tử)

- Đối với rừng phòng hộ: cần tuyển chọn các loài cây bản địa ở tầng cao, cây phù trợ hỗn giao ở tầng trung hoặc phục hồi đa dạng tầng thứ do tái sinh tự nhiên dưới cây chính.

- Đối với rừng sản xuất: làm giàu rừng tự nhiên cần ưu tiên cây bản địa gỗ sáng màu, lớn nhanh như: Keo tai tượng, bạch đàn... Thâm canh trồng các loài cây bạch đàn và keo lai tạo cây con từ phương pháp sản xuất mô tế bào.

- Cây phân tán: Lấy gỗ củi thì trồng bạch đàn Uro và keo lai, phục vụ cảnh quan môi trường cần trồng tập đoàn cây đã được lựa chọn phù hợp với nơi cần phải trồng cây.

b. Rừng đặc dụng:

Chú trọng bảo tồn khai thác giá trị nguyên sinh từ rừng đặc biệt là khu vực bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử (diện tích toàn khu 12.172ha). thuộc địa phận xã An Lạc, Thanh Luận, TT. Tây Yên Tử gắn kết phát triển cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học với phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm... thân thiện với môi trường.

c. Rừng phòng hộ:

Diện tích rừng phòng hộ khoảng 10.056 ha, phân bố tập trung tại các khu vực đầu nguồn, thượng lưu sông, suối, các hồ đập lớn và di tích, danh lam thắng cảnh trong huyện Sơn Động

10.3. Không gian phát triển công nghiệp

Tuân thủ quy hoạch tỉnh Bắc Giang đã được phê duyệt, giai đoạn từ nay đến 2030 xây dựng Cụm công nghiệp Thanh Sơn (46ha) tại thị trấn Tây Yên Tử giáp đường tỉnh 293 tập trung sản xuất chế biến nông, lâm sản và các ngành công nghiệp hỗ trợ khác. Duy trì hoạt động các điểm công nghiệp chế biến gỗ mô hình HTX nhỏ trong các xã (theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030), tuy nhiên trong giai đoạn sau cần tiến hành hạn chế, tiến tới hình thành các cụm, khu công nghiệp tập trung.

Giai đoạn đến năm 2040, hình thành 3 cụm công nghiệp tập trung bao gồm CCN Yên Định, CCN Long Sơn CCN Vân Sơn, CCN Thanh Luận quy mô từ 20 – 75ha, đặt tại trung tâm các tiểu vùng gần QL31 và QL279, ưu tiên bố trí tại các vùng khai thác có nguồn nguyên liệu thô phục vụ chế biến.

10.4. Không gian phát triển thương mại dịch vụ

Đề xuất xây dựng 01 Trung tâm thương mại và 01 siêu thị tại thị trấn An Châu với tổng diện tích 10.000 m², thuộc khu phía bắc thị trấn An Châu. 01 siêu thị tại Thị trấn Tây Yên Tử với tổng diện tích 1,5ha, thuộc khu Đồng Lạc thị trấn Tây Yên Tử

Nâng cấp xây dựng chợ trung tâm các xã, đặc biệt là các khu vực trung tâm tiểu

vùng cần mở rộng quy mô các chợ trung tâm tại khu vực này

Hình thành chợ nông sản đầu mối đặt tại khu vực xã Cẩm Đàn và chợ trung tâm liên xã tại trung tâm cụm xã Vân Sơn quy mô khoảng 2ha giúp giải quyết vấn đề đầu ra cho sản phẩm của tiểu vùng liên kết chuỗi giá trị với huyện Lục Ngạn và xuất khẩu qua cửa khẩu Lạng Sơn.

Hình thành các cơ sở kho bãi tập kết nông, lâm sản dọc tuyến đường QL279 và QL31 tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất nhập khẩu và vận chuyển trong vùng. Tập trung bố trí kho bãi phục vụ nhu cầu vận chuyển đi cửa khẩu Chi Ma (Lạng Sơn) và Cảng Cái Lân (Quảng Ninh)

Phát triển các khu dịch vụ nghỉ dưỡng kết hợp sân golf quốc tế, nghỉ dưỡng chăm sóc sức khoẻ tại thị trấn Tây Yên Tử gần đường TL293

Hình thành điểm trung tâm dịch vụ thương mại hỗ trợ du lịch cửa ngõ phía Bắc tại trung tâm tiểu vùng Vân Sơn bố trí các loại hình dịch vụ thương mại gắn kết xây dựng các trung tâm giới thiệu và bày bán các sản phẩm OCCOP vùng.

Quy hoạch khu vực phát triển dịch vụ công viên chuyên đề quy mô khoảng 150ha tại xã Tuấn Đạo khai thác giá trị rừng nguyên sinh bản địa với mô hình công viên sở thú hoang dã là nơi chăm sóc và bảo tồn động thực vật tự nhiên kết hợp du lịch tham quan, trải nghiệm.

Nâng cấp cải tạo các dịch vụ công lập, bán công. Đề xuất quy hoạch hệ thống của hàng xăng dầu tại các xã An Lạc, Long Sơn, TT Tây Yên Tử, Lệ Viễn, Hữu Sản đáp ứng tiêu chuẩn loại I, II tạo thành tổ hợp dịch vụ thương mại cho vùng dân cư.

10.5. Không gian phát triển du lịch:

Phát triển không gian các khu vực tập trung du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao giải trí với trọng tâm là Không gian du lịch Tây Yên Tử với các sản phẩm du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dã ngoại, kết hợp du lịch cộng đồng.

Quy hoạch các không gian xây dựng công trình du lịch bao gồm:

- Phát triển hệ thống du lịch sinh thái gắn với du lịch cộng đồng ở Khe Rỗ, Đồng Cao (mô hình camping, glamping...);

- Phát triển các loại hình như du lịch mạo hiểm khai thác dọc các tuyến suối, thác hoặc nơi có địa hình đồi núi. Đề xuất các mô hình du lịch trải nghiệm như đu dây trên thác, trekking, đi bộ dọc suối..... Các điểm du lịch đề xuất Thác Ba Tia – Núi Mực - Hang Chiêng - Nương Dâu- Hồ Khe Chảo- Khe Mai - Đồng Cao- Hang Vua-Khe Rỗ.

- Phát triển du lịch văn hoá bản địa, tham quan bản làng tìm hiểu đời sống của người dân địa phương, giới thiệu văn hoá dân tộc như Hát Then, Đán Tính, Sinh Ca, ẩm thực người Tày- Sán Chỉ....

- Khai thác giá trị sẵn có của địa phương với 15 điểm di tích cấp tỉnh đã được công nhận. Hình thành tổ hợp các điểm du lịch có bán kính 3-5 km bao gồm các điểm di tích gắn với cảnh quan sinh thái, thương mại dịch vụ phụ trợ.

- Quy hoạch phát triển tuyến, điểm du lịch: Hình thành trên cơ sở hệ thống giao thông QL279, QL31 và các đường tỉnh lộ, đường huyện dọc các tuyến có điểm cảnh quan và di tích đặc trưng

- Tuyến du lịch sinh thái – trải nghiệm:

+ Thác Ba Tia – Núi Mực - Hang Chiêng- Nương Dâu- Hồ Khe Chảo

+ Đồng Cao- Hang Vua-Khe Rỗ - Nà Ó

- Tuyến du lịch về nguồn: Đình Náng-ATK-Đầu Đông Quân- Vườn Thượng Uyển (khảo cổ học)- Trận địa đồi Nương Khoai- Đèo Kiếm- Đền thờ Nguyễn Trí Tài- Đình Lục Liễu - Hồ Khe Chảo

- Tuyến du lịch văn hoá bản địa:

+ Tuần Mậu - Dương Hưu -Vân Sơn - Phúc Sơn - Hữu Sản - Tuần Đạo: Hát - Múa, Thêu, Dạy chữ, lấy thuốc tắm và ngâm chân của người Dao

+ An Lạc - Lệ Viễn: Hát Then - Đàn tính - Sinh Ca: Làm ruộng- mò Cua -bắt Ốc – trồng rau, lấy cây thuốc, ẩm thực của người Tày - Sán Chí

Xây dựng các tuyến du lịch kết nối với du lịch biển Hạ Long – Quảng Ninh và du lịch cửa khẩu Lạng Sơn.

Xây dựng mô hình du lịch thăm quan thủy điện Đồng Rì

11. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

11.1. Định hướng phát triển hệ thống trụ sở làm việc, cơ quan hành chính

- Cải tạo nâng cấp trụ sở trung tâm hành chính huyện lỵ khang trang hiện đại theo mô hình khu liên cơ quan tập trung tại thị trấn An Châu. Bổ sung quy hoạch xây dựng trụ sở hành chính công tập trung tại Tây Yên Tử với diện tích 1,43ha;

- Cải tạo nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình trụ sở cơ quan hành chính công tại các xã phù hợp với nhu cầu thực tiễn phát triển dân số từng khu vực. Từng bước xây dựng trụ sở công an xã chính quy ở các đơn vị hành chính.

11.2. Định hướng phát triển thương mại dịch vụ

- Duy trì hoạt động, nâng cấp, mở rộng (nếu cần thiết thì bổ sung xây mới) các trường THPT, DTNT, GDTX trên địa bàn.

- Hoàn thiện mạng lưới các trường tiểu học, mầm non trên địa bàn các xã, đảm bảo các tiêu chí về quy mô, chất lượng, bán kính phục vụ.

- Nâng cấp, mở rộng hoặc xây mới các trường theo hướng đạt chuẩn quốc gia.

11.3. Định hướng phát triển hệ thống y tế

- Quy hoạch mở rộng trung tâm y tế huyện Sơn Động đến năm 2030 thêm 60 giường lên 200 giường bệnh; diện tích bổ sung thêm 1,0 ha lên 3,4 ha. Quy hoạch mới cơ sở y tế Tây Yên Tử, diện tích 5ha.

- Về y tế tuyến xã: Tiến hành nâng cấp 17/17 trạm y tế đảm bảo đạt đúng theo tiêu chuẩn quốc gia.

11.4. Định hướng phát triển hệ thống văn hóa, thể dục thể thao

- Đề xuất di dời vị trí sân vận động huyện xây dựng mới trên khu phía Bắc thị trấn, chuyển đổi chức năng xây dựng Quảng trường 19-5 (có tượng đài Bác Hồ, công viên cây xanh đô thị) là nơi diễn ra các hoạt động tập trung đông người, mít tinh, lễ hội của huyện; xây dựng Quảng trường, tượng đài Trần Nhân Tông, công viên sinh thái rộng 1005 ha tại Thị trấn Tây Yên Tử (Cả công viên cây xanh khu đô thị)

- Quy hoạch xây mới tượng đài Chiến thắng của quân và dân xã Tuấn Đạo bắt sống toán biệt kích Mỹ năm 1964 tại xã Tuấn Đạo, diện tích 0,8ha. Nâng cấp tượng đài Chiến thắng không quân Mỹ tại xã Dương Huru, huyện Sơn Động

- Quy hoạch từ 5 đến 7 điểm có không gian, vị trí thích hợp dành cho quảng cáo ngoài trời và hoạt động tuyên truyền cổ động chính trị;

11.5. Định hướng phát triển di tích tôn giáo, văn hóa lịch sử:

- Trọng tâm tu bổ, tôn tạo 15 di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng trên cơ sở đảm bảo tính nguyên vẹn, tôn trọng yếu tố gốc, sự bền vững, sự hài hoà của di tích với cảnh quan lịch sử - văn hóa của khu vực (Đồi Nương Khoai, Di tích lịch sử Đình Lạnh...)

- Chú trọng xây dựng được các sản phẩm du lịch văn hóa lịch sử nổi bật nhằm tạo ra sự khác biệt, tăng tính hấp dẫn để thu hút du khách. Tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng các tour, tuyến du lịch tham quan các di tích lịch sử văn hóa.

12. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

12.1. Định hướng quy hoạch giao thông:

12.1.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển mạng lưới giao thông của huyện:

Xây dựng nối liền vùng, tiêu vùng phát triển theo mô hình đa trung tâm, phát triển mạng lưới giao thông của huyện hiện trạng dần lấp đầy giữa các vùng kinh tế, giúp cho việc vận chuyển hàng hóa, nông sản được thuận lợi và tăng hiệu quả kinh tế khi rút ngắn thời gian vận chuyển.

12.1.2. Định hướng quy hoạch:

- Tập trung phát triển hệ thống giao thông nội bộ, giao thông liên xã, liên huyện, giao thông vào khu sản xuất. Tập trung nâng cấp, đầu tư hệ thống giao thông các đô thị TT. An Châu, TT. Tây Yên Tử và Long Sơn.

- Dự kiến từ nay đến năm 2035, tầm nhìn đến 2040, trên địa bàn huyện sẽ nâng cấp, xây dựng mới các tuyến giao thông quan trọng sau:

a.) Quốc lộ

*** Quốc lộ 31:**

- QL.31 chạy qua địa phận huyện Sơn Động dài 36,2km, đây là trục xương sống của huyện chạy suốt từ Đông qua Tây, chạy qua các vùng trọng điểm của huyện như TT. An Châu, khu vực Cẩm Đàn – Hữu Sản, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Hiện nay QL.31 đã được đầu tư nâng cấp quy mô 2 làn xe, rộng 12,00 m, vận tốc thiết kế 80km/giờ, nhằm nâng cao năng lực khai thác theo tiêu chuẩn đường cấp III. Đoạn đi qua khu vực đông dân cư và khu đô thị theo quy hoạch đô thị rộng 22m tốc độ thiết kế 60km/giờ.

*** Quốc lộ 279:**

- QL.279 là trục đường nối QL.31 với QL.18 đi qua địa phận tỉnh Bắc Giang giao với QL.31 tại TT. An Châu, đoạn qua địa phận huyện Sơn Động dài 39,6km. Do địa hình phức tạp, khó khăn nên tuyến đường với quy mô cấp IV miền núi nên không phát huy được tầm quan trọng của tuyến đường này như mong muốn.

- Trong những năm tới tiếp tục đầu tư nâng cấp QL.279 đạt tiêu chuẩn đường cấp III-2 làn xe.

b) Tỉnh lộ

*** Đường tỉnh 291:**

- Xuất phát từ ngã ba Yên Định Điểm đầu tại thuộc địa bàn xã Yên Định (giao với quốc lộ 31), điểm cuối thuộc địa phận thị trấn Tây Yên Tử (giao cắt với đường tỉnh 293). Đoạn đi qua huyện Sơn Động dài 20,9km.

- Hiện trạng tuyến đường đang được nâng cấp và cải tạo tối theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi. Bề rộng nền 9m, mặt đường rộng 8m kết cấu bê tông nhựa trên cấp phối đá dăm

- Trong những năm tới tiếp tục đầu tư nâng cấp tỉnh 291 đạt tiêu chuẩn đường cấp III-2 làn xe.

*** Đường tỉnh 291B mới:**

ĐT291 B (tên mới):Tuyến Nam Dương - Đèo Gia - Yên Định (Sơn Động), dài 30 Km. Điểm đầu: Nam Dương, Lục Ngạn; điểm cuối: Yên Định, Sơn Động giao với ĐT 291; quy hoạch cấp III – 2 làn xe. Đoạn đi trong huyện Sơn Động xuất phát từ ngã ba Tuấn Đạo đi huyện Lục Ngạn. Đoạn đi qua huyện Sơn Động dài 2,5km.

*** Đường tỉnh 291C mới:**

- Xuất phát từ ngã ba Cầu Cầm Đàn thuộc địa bàn xã Cầm Đàn (giao với quốc lộ 31) đi xã Đại Sơn, xã Phúc Sơn, điểm cuối thuộc địa phận xã Vân Sơn (giao cắt với QL.31). Đoạn đi qua huyện Sơn Động dài 33km.

- Do địa hình phức tạp, khó khăn nên tuyến đường với quy mô cấp IV miền núi, có đoạn chỉ đạt cấp V miền núi nên không phát huy được tầm quan trọng của tuyến đường này như mong muốn.

- Trong những năm tới tiếp tục đầu tư nâng cấp tỉnh 291C đạt tiêu chuẩn đường cấp III-2 làn xe, kết cấu bê tông nhựa trên cấp phối đá dăm.

*** Đường tỉnh 293:**

- Xuất phát từ thành phố Bắc Giang đi hướng Đông qua các huyện Lạng Giang, Lục Nam vượt đèo Bụt tới huyện Sơn Động. Đoạn đi qua huyện Sơn Động dài 33,78km.

- Điểm đầu tại thuộc địa bàn TT. Tây Yên Tử , điểm cuối giao với QL.279. Quy hoạch mới, bổ sung ĐT 293 kéo dài tuyến từ ngã ba ĐT293 với QL279 thuộc xã Long Sơn, huyện Sơn Động đi xã Đồng Sơn, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, chiều dài 10 km (dài 5Km); tuyến nhánh 3 ĐT293 (từ chân khu du lịch Tây Yên Tử) kết nối với tỉnh Quảng Ninh, chiều dài 4 km;

- Hiện trạng tuyến đường đang được nâng cấp và cải tạo tối theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi, bề rộng nền 9m, mặt đường rộng 8m kết cấu bê tông nhựa trên cấp phối đá dăm

- Trong những năm tới tiếp tục đầu tư nâng cấp tỉnh 293 đạt tiêu chuẩn đường cấp III-2 làn xe. Đoạn đi qua khu vực đông dân cư và khu đô thị theo quy hoạch đô thị tốc độ thiết kế 60km/giờ.

*** Đường tỉnh 293.3: Trục Lễ Hội khu du lịch Tây Yên Tử**

- Xuất phát từ ngã Ba Thôn Mậu TT. Tây Yên Tử đến đường tỉnh ĐT 291 . Đoạn đi qua huyện Sơn Động dài 6,3km.

- Hiện trạng tuyến đường đang đường nâng cấp và cải tạo tối theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi, bề rộng nền 9m, mặt đường rộng 8m kết cấu bê tông nhựa trên cấp phối đá dăm

- Trong những năm tới tiếp tục đầu tư nâng cấp tỉnh 293.3 đạt tiêu chuẩn đường đô thị rộng 49m là trục lễ hội du lịch Tây Yên Tử.

*** Đường tỉnh 293D (tên mới) :**

- ĐT293 D (tên mới): Tuyến Mục – Đèo Kiếm (Sơn Động). Kết nối với tỉnh Quảng Ninh đi Vân Đồn, dài 11 Km quy hoạch lên đường tỉnh quy hoạch cấp 3. Quy hoạch cấp III.

*** Đường tỉnh 291.1 (Quy hoạch mới):**

Tuyến nhánh của đường tỉnh 291 kết nối với đường tỉnh 326 đi Quảng Ninh chiều dài 6,0km. Là tuyến đường quy hoạch mới, tối thiểu theo tiêu chuẩn đường cấp III 2 làn xe.

c) Đường đô thị

***Đối với thị trấn An Châu**

Hệ thống giao thông đối ngoại:

- QL.31 qua TT. An Châu đảm nhận hai chức năng vừa là đường đối ngoại vừa là đường trục chính đô thị, lộ giới 22m.

- QL.279 qua TT. An Châu đảm nhận hai chức năng vừa là đường đối ngoại vừa là đường trục chính đô thị, lộ giới 22m.

- Đường vành đai : lộ giới đường vành đai là 21,5m.

Hệ thống giao thông đối nội:

- Đường phố chính đô thị: nối trực tiếp ra đường đối ngoại, lộ giới 21,5m.

***Đối với đô thị Tây Yên Tử**

Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường ĐT 291 chạy qua địa bàn TT. Tây Yên Tử được quy hoạch có lộ giới 27m.

- Định hướng đoạn đường 293 chạy qua khu vực Tây Yên Tử thành đường trục chính đô thị, dài 12,3km, theo định hướng lên đô thị loại V, có lộ giới 34,5m.

Hệ thống giao thông đối nội:

- Đường đô thị có lộ giới 27m.

e. Đường huyện, liên xã:

Đường huyện, đường liên xã: Huyện Sơn Động có từ ĐH91 đến ĐH99. Quy hoạch đường huyện lộ, liên xã theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, lộ giới tùy theo địa hình lộ giới thay đổi theo Nghị định 11/2010/NĐ-CP và Nghị định số 100/2013/NĐ-

CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, các tuyến đường huyện, liên xã xây dựng đường nhựa, theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

*** Tuyến đường ĐH 91 (Giáo Liêm - Phúc Sơn).**

Điểm đầu từ đầu cầu suối xả đi thôn Việt Tiến xã Giáo Liêm, đi thôn Suối Hấu xã Phúc Sơn, đi Đòng Cao xã Vân Sơn, điểm cuối nối đường tỉnh ĐT291C. Chiều dài tuyến 15km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH .91B (Cắm Đàn - Lục Ngạn).**

Điểm đầu nối QL31 thôn Cắm Đàn, đi thôn Rộc Nảy, đi Góc Si xã Biền Động, huyện Lục Ngạn. Chiều dài tuyến 4,5km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.91C (Vĩnh An - Giáo Liêm).**

Điểm đầu đầu nối đường huyện ĐH.92 tuyến Vĩnh An - Vân Sơn, đi thôn Tam Hiệp, Mo Reo xã Vĩnh An, đi thôn Việt Tiến xã Giáo Liêm, điểm cuối nối đường huyện ĐH.91 tuyến Giáo Liêm - Phúc Sơn. Chiều dài tuyến 6,5km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.92 (Vĩnh An - Vân Sơn).**

Điểm đầu nối QL31 thôn Chèo xã Vĩnh An, đi thôn Khả xã Vân Sơn, điểm cuối đầu nối đường tỉnh tuyến ĐT291C. Chiều dài tuyến 13,2km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.93 (An Bá - Lệ Viễn).**

(Điểm đầu nối QL31, thôn Vá, đi cầu An Bá (cầu mới) xã An Bá, đi thôn Ké TT An Châu, ra QL 279, đi thôn Chao xã Vĩnh An, thôn Thanh Trà xã Lệ Viễn, điểm cuối nối đường huyện ĐH94 tuyến Cầu Cuối - Nà Phai Lệ Viễn - An Lạc). Chiều dài tuyến 10km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.93B (An Bá - Tuấn Đạo)**

Điểm đầu đầu nối QL31 thôn Vá, đi thôn Đòng Dầu, thôn Đòng Tàn xã An Bá, đi thôn Nghèo xã Tuấn Đạo, điểm cuối đầu nối ĐT291. Chiều dài tuyến 6,0km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.93C (An Bá - Tuấn Đạo - Thanh Luận).**

Điểm đầu đầu nối đường huyện ĐH.93B tuyến An Bá - Tuấn Đạo tại thôn Đòng Tàn, đi thôn Đòng Cốc xã An Bá, đi thôn Am Hà, thôn Mừng xã Tuấn Đạo, đi thôn Rón xã Thanh Luận, điểm cuối đầu ĐT293. Chiều dài tuyến 9,6km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.94 (Cầu Cuối - Nà Phai Lệ Viễn - An Lạc).**

Điểm đầu nối QL279 đi Cầu Cuối, đi thôn Tân Chung xã Lệ Viễn, ra QL31, đi thôn Lạnh xã Lệ Viễn, đi thôn Đòng Dương, điểm cuối thôn Đòng Bài xã An Lạc đầu nối đường huyện ĐH.94B tuyến An Lạc - Hữu Sản. Chiều dài tuyến 12,0km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH. 94B (An Lạc - Hữu Sản).**

Điểm đầu đầu nối QL279 thôn Đường Lợi, đi các thôn Đồng Dương, Đồng Khao, Thác, Đồng Bầy, Biêng, Nà Trắng xã An Lạc, đi thôn Phiên Hương, thôn Sản, xã Hữu Sản, điểm cuối đầu nối QL31. Chiều dài tuyến 28,0km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.95 (An Châu - Yên Định - Giáo Liêm).**

Điểm đầu nối QL31 đi TDP Phe TT An Châu, đi thôn Tiên Lý xã Yên Định, đi thôn Đá Cối xã Giáo Liêm, điểm cuối đầu nối đường huyện ĐH.91 tuyến Giáo Liêm - Phúc Sơn. Chiều dài tuyến 11,0km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.96 (Tuần Đạo - Long Sơn).**

Điểm đầu đầu nối ĐT 291 thôn Linh Phú, đi thôn Am Hà xã Tuần Đạo, đi thôn Đãng, thôn Thanh Hương xã Long Sơn, điểm cuối đầu nối QL279. Chiều dài tuyến 16,5km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.96B (Yên Định, Sơn Động - Phú Nhuận, Lục Ngạn).**

Điểm đầu đầu nối ĐT 291 thôn Trại Chùa, đi thôn Khe Tấu xã Yên Định, điểm cuối thôn Đá Vách, xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn. Chiều dài tuyến 4,0km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.96C (Tuần Đạo, Sơn Động - Lục Sơn, Lục Nam).**

Điểm đầu đầu nối ĐT 291 thôn Đông Tuần, thôn Tuần Sơn xã Tuần Đạo, điểm cuối xã Lục Sơn, huyện Lục Nam. Chiều dài tuyến 17,0km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.96D (Tuần Đạo - Tây Yên Tử).**

Điểm đầu đầu nối ĐH.96C tuyến Tuần Đạo - Lục Sơn, Lục Nam đi thôn Đồng Bài TT Tây Yên Tử, điểm cuối nối đường tỉnh ĐT293. Chiều dài tuyến 9,0km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.97 (Long Sơn - Dương Hưu).**

Điểm đầu đầu nối QL279, đi thôn Hạ, thôn Bản Bàu xã Long Sơn, đi thôn Mừng, thôn Thoi xã Dương Hưu, điểm cuối đầu nối ĐT293D. Chiều dài tuyến 10,0km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.98 (Vân Sơn - An Lạc).**

Điểm đầu đầu nối QL31 thôn Nà Tềng xã Vân Sơn, đi thôn Biêng, thôn Nà Ó xã An Lạc, điểm cuối Khu du lịch sinh thái Khe Rỗ. Chiều dài tuyến 4,0km quy hoạch định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – 2 làn xe.

*** Tuyến đường ĐH.99 (Tây Yên Tử - Thanh Luận).**

(Điểm đầu đầu nối ĐT293 TDP Thống Nhất, TT Tây Yên Tử, đi thôn Gà, thôn Đông Hà xã Thanh Luận, ĐT293)

*** Đường trục xã, đường trục thôn**

Các đường trục xã, trục thôn, các điểm dân cư nông thôn mới được quy hoạch đường Giao thông nông thôn cấp A, có lộ giới tối thiểu 6,5m trong đó mặt đường rộng

tối thiểu 4,5m. Ngoài ra, các tuyến đường liên thôn, đường trong khu dân cư, đường sản xuất đều được bố trí nâng cấp, cải tạo để đạt chuẩn nông thôn mới.

f. Nút giao thông

Xây dựng, cải tạo các nút giao thông chính trên các trục vành đai ngoài với các trục chính đô thị và các đường tỉnh, đường Quốc lộ. Dự kiến quy mô nút giao là cùng mức hoặc khác mức, loại hình nút được lựa chọn cho phù hợp với giao thông đô thị.

g. Bến xe

Bến xe huyện: Quy hoạch mới bến xe trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn bến xe hạng IV tại TT. Tây Yên Tử : diện tích khoảng 1,3ha.

Nâng cấp và cải tạo bến xe Sơn Động tại thị trấn An đạt tiêu chuẩn bến xe hạng IV.

Bến xe xã: Để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách, dự kiến xây dựng một số bến xe sau tại các xã: Cẩm Đàn, Vân Sơn, Tuấn Đạo, Dương Hưu quy hoạch tại khu trung tâm xã diện tích 500m² đạt tiêu chuẩn bến xe loại VI.

h. Giải pháp kết nối các phương thức vận tải

Các tuyến giao thông đường bộ sẽ kết nối cùng cốt với nhau, khu vực đô thị tại các nút giao có lưu lượng phương tiện tham gia giao thông qua lại lớn, cần bố trí hệ thống đèn tín hiệu điều khiển giao thông.

i. Vận tải hành khách công cộng:

- Vận tải hành khách liên tỉnh: duy trì các tuyến vận tải liên tỉnh, bổ sung các tuyến kết nối Lạng Sơn và Quảng Ninh

- Vận tải xe buýt: sử dụng hệ thống xe buýt của tỉnh Bắc Giang, tăng cường kết nối với các khu vực Lục Ngạn, Lục Nam và Thành phố Bắc Giang.

12.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật:

a. Định hướng quy hoạch công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai

- Giải pháp phi công trình:

+ Tăng cường công tác trồng, bảo vệ rừng phòng hộ.

+ Sử dụng các công nghệ hiện đại cảnh báo sớm thiên tai.

+ Cắm mốc chỉ giới bảo vệ công trình thủy lợi, hành lang thoát lũ.

+ Bố trí, sắp xếp dân cư vùng ảnh hưởng thiên tai đến các khu vực an toàn.

+ Nạo vét các sông, suối, kênh tiêu chính.

- Giải pháp công trình

+ Nâng cấp sửa chữa hồ chứa, đập dâng, trạm bơm.

+ Xây mới 02 công trình đập dâng

+ Kiên cố hoá hệ thống kênh cấp I, cấp II, kênh nội đồng.

+ Nâng cấp, sửa chữa, xây mới các tuyến đê, kè, cống tiêu đầu mối.

b. Định hướng cao độ nền khu vực đô thị:

Giải pháp chung về san nền cho toàn vùng

Cao độ khống chế nền xây dựng của các đô thị phải đảm bảo không bị ngập lụt, giữ được cảnh quan thiên nhiên, hạn chế đào đắp nhiều và tạo địa hình thoát nước tốt cho đô thị. Cao độ khống chế cốt xây dựng cho các đô thị được xác định căn cứ theo cao độ mực nước ngập lụt tính toán.

Cao độ khống chế cốt xây dựng cho các đô thị được xác định căn cứ theo cao độ mực nước ngập lụt tính toán (Cao độ khống chế xây dựng phải cao hơn mực nước tính toán tối thiểu = 0,5m).

Giải pháp san nền:

- Hầu hết địa hình toàn huyện cao, không bị ảnh hưởng ngập lụt. Giải pháp san nền đối với khu vực này là san nền cục bộ bám theo địa hình tự nhiên đối với các khu vực xây dựng nhằm hạn chế khối lượng đào đắp, phá vỡ địa hình.

- Đối với các khu đô thị hiện hữu xây dựng với mật độ cao trong quá trình cải tạo chỉnh trang đô thị chủ yếu san đắp cục bộ để tạo hướng thoát nước cho các khu vực cải tạo. Giữ nguyên cao độ hiện hữu trong khu vực này.

- Đối với các khu vực phát triển xây dựng mới với mật độ cao, phương án san nền chủ yếu bám theo địa hình, giạt cấp nhằm giảm khối lượng đào đắp.

- Đối với các khu vực phát triển xây dựng mới với mật độ thấp, phương án san nền là giữ nguyên địa hình tự nhiên, chỉ san đắp cục bộ cho từng công trình, hạn chế tối đa đào đắp phá vỡ mặt phủ tự nhiên.

- Đối với khu vực địa hình có độ dốc cao, chủ yếu là đất xây dựng ít thuận lợi, cần có mật độ xây dựng thấp và các công trình kiến trúc có thiết kế gắn với kết hợp địa hình, tránh san lấp tạo mặt bằng để hạn chế phá vỡ mặt phủ tự nhiên.

- Tăng cường cải tạo các hồ, sông suối tự nhiên, xây dựng các đập tràn khống chế cao độ nước trong hồ theo cao độ địa hình xung quanh nhằm bảo đảm cảnh quan của hồ và tạo điều kiện trữ nước trong hồ góp phần làm hồ điều hòa trong từng khu đô thị.

c. Giải pháp Thoát nước

- Đối với đô thị hiện tại đã có mạng lưới thoát nước chung ở các khu trung tâm. Trong tương lai cần cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống cống để thu gom nước thải dẫn về trạm xử lý trước khi đổ vào sông, hồ.

- Các khu vực xây dựng mới với mật độ cao, khu vực đô thị An Châu, TT. Tây Yên Tử, các cụm công nghiệp cần xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Nước mưa được thoát trực tiếp ra sông, suối, nước thải được thu gom về trạm xử lý để đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Các khu dân cư mới tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương có các giải pháp khác nhau để xác định hệ thống thoát nước riêng, nửa riêng hay chung nhưng cũng phải có các biện pháp thu gom nước thải để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Đối với các điểm dân cư nhỏ lẻ xây dựng với mật độ thấp có thể xây dựng hệ thống thoát nước chung giữa nước thải và nước mưa nhưng nước thải phải được xử lý trước bằng bể tự hoại hoặc hồ sinh vật đảm bảo chất lượng nước được xử lý đạt chuẩn

theo quy định; vị trí của các điểm thoát nước sau khi xử lý phải tránh xa nguồn cấp nước sinh hoạt; thường xuyên nạo vét các sông, kênh, rạch gần khu vực để thoát nước.

Giải pháp quy hoạch tiêu thoát nước đối với các đô thị:

- Đô thị An Châu:

+ Nước mưa thoát về khu vực sông Lục Nam.

+ Đối với khu vực đã xây dựng thoát nước chung sẽ từng bước cải tạo, tách nước thải đưa về trạm xử lý.

+ Đối với các khu vực dự kiến phát triển mới sẽ xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nước thải sinh hoạt.

- Đô thị Tây Yên Tử:

+ Nước mưa thoát về khu vực suối Nòn và suối Nước Vàng.

+ Đối với các khu vực dự kiến phát triển mới sẽ xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nước thải sinh hoạt.

Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn

a) Nền xây dựng

Đối với các điểm dân cư nông thôn có địa hình thấp cần phải tôn nền chống ngập nhưng chủ yếu là san lấp cục bộ khu vực xây dựng. Đối với khu vực có địa hình cao không bị ngập lụt chỉ san lấp tạo hướng dốc thoát nước, cân bằng đào đắp tại chỗ.

b) Thoát nước mặt

Cho phép xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải sinh hoạt) bằng cống, mương nắp đan hoặc mương hở xả ra sông suối. Tuy nhiên nước thải sinh hoạt trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại. Nước thải của các khu vực chuồng trại chăn nuôi tập trung phải thoát riêng và được xử lý trước khi xả ra môi trường.

Không lấp sông suối, vùng trũng, cần tạo hồ chứa nước vào mùa lũ, chống hạn vào mùa khô.

12.3. Định hướng cấp nước:

a. Định hướng chung

Mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ dân cư thành thị và nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

Cấp nước đô thị Tây Yên Tử: Xây dựng nhà máy nước khai thác nước từ Suối Nước Vàng, đảm bảo 100% dân số đô thị được sử dụng nước sạch.

Cấp nước đô thị An Châu: Xây dựng nhà máy nước khai thác nước từ nhà máy nước Vĩnh An cấp đến, đảm bảo 100% dân số đô thị được sử dụng nước sạch.

Đầu tư, xây dựng mới các công trình cung cấp nước cho các khu dân cư nông thôn tại các điểm dân cư thôn của các xã. Nguồn nước lấy từ các khe nước và mạch nước ngầm của xã.

+ Tổng nhu cầu dùng nước giai đoạn 2030 là 19.000 m³/ngày.đêm; 2040 là 27.000 m³/ngày.đêm.

b. Giải pháp chung

Tương quan với sự phát triển của KT-XH trong vùng. Nhu cầu cấp nước sạch cần phải được đáp ứng đủ cả về số lượng và chất lượng, hạn chế tối đa tác động đến môi trường. Hạn chế việc khai thác nguồn nước ngầm, ưu tiên khai thác các nguồn nước mặt.

Khai thác hợp lý các công trình cấp nước hiện có, mở rộng, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới các công trình phù hợp với sự phát triển của các đô thị trong giai đoạn đầu và có định hướng cho giai đoạn sau.

Cân đối và sử dụng hiệu quả các nguồn nước mặt, đặc biệt là các nguồn nước kết hợp giữa cấp nước và thủy lợi.

Quản lý khai thác nước ngầm, đánh giá trữ lượng và quản lý chặt chẽ vấn đề khai thác các giếng khoan mới, quy trình đào giếng, kiểm soát theo dõi giếng đang khai thác (thay đổi lưu lượng, mực nước tĩnh, chất lượng và các yếu tố ảnh hưởng...). Đặc biệt cần quản lý các cơ sở khoan khai thác nước ngầm cho cả mục tiêu cấp nước cho sinh hoạt và nông nghiệp.

Xây dựng mới nhà máy nước Hà Lôu công suất nhà máy- Tiếp tục sử dụng các công trình cấp nước theo chương trình nước sinh hoạt vệ sinh môi trường nông thôn của tỉnh đang triển khai.

- Khu vực gần đô thị có thể đầu nối trực tiếp với các tuyến ống cấp nước của đô thị.

c. Đối với các khu vực dân cư phân tán:

- Kết hợp giải pháp theo quy hoạch nông thôn mới, chương trình cấp nước nông thôn.

- Hạn chế việc khai thác nguồn nước ngầm, ưu tiên khai thác các nguồn nước mặt. Tuy nhiên trong giai đoạn ngắn hạn, các khu vực có nguồn nước ngầm dồi dào, trữ lượng tốt dùng nguồn nước ngầm khoan sâu (100-150m) kết hợp với bơm để sử dụng.

- Loại hình cấp nước và lưu trữ nước mưa được thực hiện với quy mô hộ gia đình ở những nơi khó khăn hoặc không thể khai thác được nước ngầm và nước mặt về phương diện kỹ thuật hoặc kinh tế.

d. Cấp nước cụm công nghiệp

Các cụm công nghiệp gần với nguồn nước mặt thuận lợi thì xây dựng nhà máy cấp nước cho khu công nghiệp, còn đối với các cụm công nghiệp không thuận lợi về nguồn nước mặt thì giai đoạn đầu khi chưa có hệ thống cấp nước đô thị thì khai thác nước ngầm, khi có hệ thống cấp nước đô thị sẽ đầu nối sử dụng nước từ hệ thống cấp nước đô thị và ngưng khai thác nước ngầm.

12.4. Định hướng cung cấp năng lượng:

a. Nhu cầu: Tổng nhu cầu cấp điện khu vực đến giai đoạn đầu là: 41,41 MW, tương đương 46,77 MVA. Tổng nhu cầu cấp điện khu vực đến giai đoạn dài hạn là: 66,30 MW, tương đương 74,88 MVA.

b. Nguồn cấp: Theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035, nguồn điện cấp cho khu vực được lấy từ các công trình đầu mối sau:

Nhà máy Nhiệt điện Sơn Động 2 công suất 220MW.

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Xây dựng trạm 220 kV công suất 1x25 MVA, đường dây 220 kV từ Nhiệt Điện Đông Rì ra đến trung tâm xã Yên Định;

+ Xây dựng trạm 110 kV Sơn Động công suất 2x25MVA, đường dây 110 kV từ Sơn Động đi Lục Ngạn để liên kết lưới điện 110 kV khu vực.

- Giai đoạn đến năm 2040:

+ Nâng công suất trạm 220 kV lên 2x250MVA, nâng công suất trạm 110 Tây Yên Tử lên 2x25MVA.

12.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a. Định hướng thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt đô thị:

Khu vực đô thị trung tâm: Đề xuất xử lý nước thải tập trung. Hệ thống thoát nước cơ bản là riêng hoàn toàn. Khu vực xây dựng mới sẽ sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Dự kiến xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung ứng với từng lưu vực thoát nước, tổng công suất khoảng 11.000 m³/ngđ năm 2030; 15.000 m³/ng.đ năm 2040. Các lưu vực được phân chia theo đơn vị hành chính, sông suối hoặc các trục giao thông chính phù hợp với địa hình và phân vùng quản lý.

- Nước thải công nghiệp: Quy hoạch trạm xử lý riêng phục vụ xử lý nước thải của cụm công nghiệp.

- Nước thải nông thôn: Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Xây dựng các mương xây thoát nước chung với nước mưa, thu nước thải đưa xa ngoài phạm vi làng xóm, tận dụng hệ thống kênh, mương nội đồng; ao, hồ sẵn có ngoài đồng để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên. Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp.

- Nước thải khu du lịch: Xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể tiên tiến.

- Nước thải y tế: Thu gom và xử lý riêng tối thiểu đạt loại B theo QCVN 28/2010/BTNMT trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung. Bắt buộc xử lý đạt chuẩn A theo QCVN 28:2010/BTNMT đối với nguồn thải xả trực tiếp khi xả vào các nguồn nước cấp cho mục đích sinh hoạt.

b. Định hướng quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

Chất thải rắn phát sinh từ khu ở, các công trình khác được phân loại tại nguồn rồi thu gom, vận chuyển đến trạm trung chuyển phân tán theo từng khu vực, từng xã. Tại trạm trung chuyển, rác thải sẽ được xử lý sơ bộ bằng cách nén, phân từng loại rác có thể tái chế, rác có thể đốt và rác không đốt được rồi được vận chuyển về Khu xử lý rác thải tập trung huyện Sơn Động tại TT Tây Yên Tử công suất 70 tấn/ngày đêm.

c. Định hướng quy hoạch nghĩa trang:

Định hướng quy hoạch giai đoạn sau năm 2030, sau khi nghĩa trang nhân dân huyện hiện trạng dân lập đầy sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân này lên đến khoảng 82,45ha, đến giai đoạn 2040 sẽ đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang

với diện tích khoảng 150 ha. Đến năm 2030 sẽ tăng tỷ lệ hóa táng lên 30% hướng tới phát triển đô thị trong tương lai theo hướng văn minh, bảo vệ môi trường sinh thái.

13. Các biện pháp bảo vệ môi trường

a. Thiết lập vùng đệm xanh giữa các khu vực có tiềm năng xung khắc với khu vực nhạy cảm môi trường

- Sử dụng cây xanh vừa làm tăng cảnh quan vừa có tác dụng hạn chế tiếng ồn, khí độc hại từ các hoạt động giao thông.

- Khu vực bãi đỗ xe: Xung quanh bãi đỗ xe cần tính toán việc trồng cây xanh bao phủ xung quanh bãi đỗ xe, nghiên cứu biện pháp bố trí khuất tầm mắt không gây ảnh hưởng đến các công trình công cộng cần yên tĩnh.

- Khu vực trạm biến áp, trạm xử lý nước thải: cùng với việc xây dựng hàng rào xung quanh công trình thực hiện trồng cây(chiều rộng 3m với trạm biến áp, 15m với trạm xử lý nước thải) bao quanh công trình để không gây ảnh hưởng tới cảnh quan xung quanh.

b. Giảm thiểu các tác động môi trường xã hội

Quản lý tốt các hoạt động tổ chức lễ hội, đảm bảo an ninh trật tự, giao thông đi lại thuận lợi, vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện nếp sống văn minh.

c. Xây dựng kế hoạch quản lý, quan trắc, giám sát môi trường chiến lược

Lồng ghép trong kế hoạch quan trắc chất lượng môi trường của tỉnh Bắc Giang. Bố trí điểm quan trắc môi trường tại khu hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp, quan trắc tổng thể chất lượng nước mặt, nước thải sau xử lý, chất lượng không khí do ảnh hưởng của trạm xử lý nước thải và tập trung chất thải rắn.